

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2024

V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thủy.

Bà Trần Thị Thanh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trương Bảo Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (Số F đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A đường T, TDP H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt;

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1995; địa chỉ: Số C đường H, TDP A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hồ Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Y tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 06/7/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh, chị không tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Kể từ khi kết hôn cho đến nay vợ chồng chưa từng sống chung với nhau. Nguyên nhân do gia đình nhà chồng không đồng ý với mối quan hệ giữa hai anh, chị. Từ đó vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, thường gây gỗ, cãi vã nhau mà không có hướng khắc phục, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hồ Khánh Đ, sinh ngày 17/8/2020, hiện cháu Đ đang ở với chị Hồ Thị C. Chị C yêu cầu giao cháu Nguyễn Hồ Khánh Đ cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Hồ Khánh Đ trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Tại bản tự khai ngày 24/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn Y trình bày:

Về điều kiện và thời gian kết hôn như chị Hồ Thị C trình bày là đúng. Anh và chị tự nguyện kết hôn, không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ chị C được khoảng 01 năm thì anh về ở nhà bố mẹ để còn chị C tiếp tục ở tại nhà bố mẹ chị C. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sự bất đồng quan điểm giữa gia đình hai bên nên làm cho quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng. Nay do vẫn còn tình cảm với chị C nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh Y thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như chị C đã trình bày. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Hồ Khánh Đ cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Y tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Hồ Khánh Đ trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập anh Y tham gia phiên hòa giải vào các ngày 21/5/2024, 24/5/2024 và ngày 30/5/2024, nhưng anh Y chỉ có mặt vào 24/5/2024, tại buổi hoà giải này anh Y thừa nhận giữa vợ chồng anh và chị C có mâu thuẫn và mỗi người sống một nơi đã 03 năm, nguyên nhân là do có sự bất đồng giữa hai gia đình hai bên đã làm cho quan hệ vợ chồng anh trở nên căng thẳng, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì bản thân vẫn còn tình cảm với chị C. Vì anh Y mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Toà án tiến hành hoà giải vào ngày 30/5/2024, nhưng anh Y vắng mặt không lý do, chị C có đơn đề nghị không tiếp tục tiến hành hòa giải. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên toà ngày 08/7/2024 anh Y vắng mặt lần thứ nhất không lý do, Toà án đã quyết định hoãn phiên toà, ấn định lại thời gian xét xử. Toà án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai cho anh Y nhưng anh Y tiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề xử cho chị **Hồ Thị C** được ly hôn với anh Nguyễn Văn Y; giao cháu **Nguyễn Hồ Khánh Đ**, sinh ngày 17/8/2020 cho chị **Hồ Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn Y có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu **Nguyễn Hồ Khánh Đ** trưởng thành. Chị **Hồ Thị C** phải chịu án phí ly hôn, anh Nguyễn Văn Y phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hồ Thị C** và anh Nguyễn Văn Y kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 06/7/2020. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ có cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những xung đột, bất đồng quan điểm mà chị **C**, anh Y đã không thể tự giải quyết được. Anh, chị đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, thậm chí là sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án anh Y yêu cầu Tòa án tiếp tục hòa giải để vợ chồng có hướng khắc phục đoàn tụ, Tòa án đã triệu tập tham gia hòa giải nhưng anh Y không đến. Chứng tỏ, anh Y không có thiện chí hàn gắn khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị **Hồ Thị C** được ly hôn theo yêu cầu và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị **C**, anh Y có 01 con chung tên là **Nguyễn Hồ Khánh Đ**, sinh ngày 17/8/2020. Hiện cháu **Đ** đang ở với chị **Hồ Thị C**. Xét cháu **Nguyễn Hồ Khánh Đ** đã ở với mẹ là chị **Hồ Thị C** thời gian lâu nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Y đồng ý giao cháu **Nguyễn Hồ Khánh Đ** cho chị **C** trực tiếp nuôi dưỡng nếu trường hợp vợ chồng ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống, sinh hoạt, việc học tập và quyền lợi mọi mặt, cần giao cháu **Nguyễn Hồ Khánh Đ** cho chị **Hồ Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi

trưởng thành như yêu cầu của chị **C** và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị **C** yêu cầu anh Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Y đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của chị **C** nên cần chấp nhận.

[6] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, buộc bị đơn chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chị **Hồ Thị C** được ly hôn với anh Nguyễn Văn Y; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu **Nguyễn Hồ Khánh Đ**, sinh ngày 17/8/2020 cho chị **Hồ Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn Y có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Nguyễn Hồ Khánh Đ** trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Buộc chị **Hồ Thị C** phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003363 ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị **Hồ Thị C** đã nộp đủ, nay không phải nộp.

- Án phí cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn Y phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường T, thành phố Huế;
- (Chị C, anh Y đăng ký kết hôn số: 84, ngày 06/7/2020);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phương Dung**